

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1670/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 6 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-LĐTĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính được*

bãi bỏ về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 112/TTr-LĐTBXH ngày 27 tháng 6 năm 2022.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

#### **1. Thủ tục hành chính:**

- **Ban hành mới: 09 thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện, xã**, cụ thể như sau:

+ 05 thủ tục hành chính cấp tỉnh;

+ 03 thủ tục hành chính cấp huyện;

+ 01 thủ tục hành chính cấp xã.

- **Sửa đổi: 15 thủ tục hành chính cấp tỉnh** (gồm thủ tục số 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 40, 41) đã được công bố tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- **Bãi bỏ: 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh, xã** đã được công bố tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

+ 02 thủ tục cấp tỉnh (thủ tục số 39, 52);

+ 01 thủ tục cấp xã (thủ tục số 02).

## 2. Quy trình thực hiện thủ tục hành chính:

- **Ban hành mới: 09 quy trình điện tử** thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện, xã, cụ thể như sau:

- + 05 quy trình điện tử cấp tỉnh;
- + 03 quy trình điện tử cấp huyện;
- + 01 quy trình điện tử cấp xã.

- **Sửa đổi: 10 quy trình điện tử** thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh (gồm quy trình số số 26, 28, 29, 30, 33, 34, 36, 37, 38, 41) đã được ban hành tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

- **Bãi bỏ: 03 quy trình điện tử** thực hiện thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

- + 01 quy trình điện tử cấp tỉnh (quy trình số 39, 52);
- + 01 quy trình điện tử cấp xã (quy trình số 02).

(Danh mục, nội dung thủ tục hành chính và quy trình điện tử đính kèm).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và các nội dung khác tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 và Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; UBND các xã có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của cơ quan, đơn vị.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhật nội dung các thủ tục hành chính, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên phần mềm Một

cửa điện tử của tỉnh (Egov); thực hiện tích hợp, kết nối cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã; Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



**CHỦ TỊCH**

**Cao Tiến Dũng**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỊ BÃI  
BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG -  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	
			TTHC	Quy trình điện tử
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI</b>				
<b>I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>				
1	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	6	232
2	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	18	233
<b>II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>				
1	1.010935	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	20	234
2	1.010936	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	33	235
3	1.010937	Dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	45	236

## B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI

### I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp

1	1.000243	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	49	237
2	2.000099	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	62	Không sửa đổi quy trình
3	1.000234	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	75	238
4	1.000266	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	82	239
5	1.000031	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	89	240
6	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp <i>(Tên cũ: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp)</i>	92	Không sửa đổi quy trình

7	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp <i>(Tên cũ: Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp)</i>	108	Không sửa đổi quy trình
8	1.000160	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	125	241
9	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	138	Không sửa đổi quy trình
10	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp <i>(Tên cũ: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp)</i>	150	242
11	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	161	243
12	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	171	244

13	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	179	245
14	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tự thực hoạt động không vì lợi nhuận	182	Không sửa đổi quy trình
15	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tự thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	195	246

### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

#### I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp

1	1.000523	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp
---	----------	--

#### II. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội

1	2.000044	Nghi chịu tang của học viên tại trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội
---	----------	--

## 2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	
			TTHC	Quy trình điện tử
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH</b>				
<b>I. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>				
1	1.010938	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	200	247
2	1.010939	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	210	248



3	1.010940	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	213	249
---	----------	---	-----	-----

### 3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	
			Thủ tục hành chính	Quy trình điện tử
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH</b>				
<b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>				
1	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	224	250
<b>B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ</b>				
<b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>				
1	1.003521	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng		